TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh T) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trương Thị Minh P, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 373 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Số 152 đường T, phường L, thành phố H, tỉnh T, có mặt.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 373 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Minh P trình bày: Chị và anh L sau thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H vào ngày 09/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ

chồng tại số 373 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà khuya trong tình trạng say xỉn, gây gổ vợ con. Từ đó, dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Trong thời gian chị mang thai đứa con thứ hai thì anh L có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, khi bị vợ phát hiện anh L không những hối lỗi mà còn gây gổ, chửi bới vợ con, tình trạng này vẫn kéo dài mãi như vậy cho đến khi chị sinh cháu thứ hai được khoảng hơn 06 tháng. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên từ tháng 12/2022 chị đã bồng hai con về nhà cha, mẹ chị tại địa chỉ số 152 đường T, phường L, thành phố H để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Văn L có hai con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Văn Lộc P, sinh ngày 09/7/2022. Hiện nay, cả hai cháu đều do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản tự khai (Bổ sung) ngày 07/6/2023 cũng như tại phiên tòa, chị đã thay đổi ý kiến, nay chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Văn L không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 20/02/2023, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 91/TB-TLVA và tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý; Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 71/GTT-TA ngày 19/4/2023 (Lần 1) vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 05/5/2023 và (Lần 2) vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/5/2023 để anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 26/6/2023 anh L vắng mặt, Toà án đã quyết định hoãn phiên toà, ấn định lại thời gian xét xử. Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai theo quy định pháp luật cho anh Nguyễn Văn L, nhưng anh Nguyễn Văn L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng anh Nguyễn Văn L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp. quản lý và án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Minh P, chị Trương Thị Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Văn Lộc P, sinh ngày 09/7/2022 cho chị Trương Thị Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Minh T và Lộc P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị Minh P không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L không có nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L sau thời gian tìm hiểu được 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ

chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh T vào ngày 09/01/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại số 373 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn L có quan hệ ngoài tình với nhiều người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, nên từ tháng 12/2022 chị Pđã bồng con về nhà cha mẹ chị tại 152 đường T, phường L, thành phố H để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó.

Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố A, phường T, thành phố H vào ngày 19/4/2023 có nội dung: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Minh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 373 đường B, phường T, thành phố H. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh L, chị P xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì tổ dân phố không nắm rõ vì anh L, chị P không nhờ chính quyền địa phương đứng ra hòa giải, can thiệp. Tuy nhiên, theo tổ dân phố được biết thì hiện nay anh L, chị P không sống chung với nhau tại địa chỉ trên. Tại địa chỉ số 373 B, phường T, thành phố H chỉ có anh Nguyễn Văn L vẫn đang sinh sống tại đó.

Tại bản tự khai vào ngày 05/5/2023, bà Phạm Thị T (Mẹ của chị P) trình bày: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị Trương Thị Minh P với anh Nguyễn Văn L là do anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, xảy ra cãi vã nhau. Từ đó chị P đã bồng con về ở với gia đình bà cho đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị P có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L thì bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Minh P, chị Trương Thị Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Văn Lộc P, sinh ngày 09/7/2022; hiện nay, cả hai cháu đều do chị Ptrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Ngọc Minh T có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Nguyễn Văn Lộc P còn nhỏ mới 01 tuổi, nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt, cũng như việc học tập và quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Văn Lộc P, sinh ngày 09/7/2022 cho chị Trương Thị Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Minh T và Lộc P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị Minh P không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Minh P, chị Trương Thị Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Văn Lộc P, sinh ngày 09/7/2022 cho chị Trương Thị Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Văn Lộc P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Minh P và anh Nguyễn Văn L không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trương Thị Minh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005541 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Chị Trương Thị Minh P đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường T, thành phố H
(Anh L, chị P đăng ký kết hôn số: 02/2014, Quyển số: 01/2014, ngày 09/01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn